TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 238/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11-8-2022
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Vân
Ông Lê Bỉnh Quyền

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:**
Bà Hoàng Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị A, sinh năm 1992. Có mặt.
Địa chỉ: Thôn M, xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn*: Anh Lê Như Th, sinh năm 1992. Có mặt.
Địa chỉ: Thôn V, xã Qu, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2022, bản tự khai, lời khai tại phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm của nguyên đơn chị Hoàng Thị A thể hiện như sau:

Chị Hoàng Thị A và anh Th tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Qu, huyện H cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2018. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung và cảm thấy không hợp nhau nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Chị A nhận

thấy chị và anh Th không còn tình cảm nên chị A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th.

Về con: Chị A và anh Th có 01 con chung là cháu Lê Tường Y, sinh ngày 12/4/2019, hiện đang ở với chị A. Chị A đề nghị được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị A làm công nhân tại công ty Hồng Mỹ 1 thuộc khu công nghiệp Hoàng Long với mức lương bình quân một tháng là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Về tài sản và công nợ: Anh chị không có tài sản chung cũng không nợ ai nên chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 16/6/2022, lời khai tại phiên hòa giải và tại phiên tòa của bị đơn anh Lê Như Th thể hiện:

Anh Lê Như Th và chị Hoàng Thị A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, cuộc sống vợ chồng bình thường cho đến năm 2019 thì chị A xin về ngoại chơi và đem con theo, thời điểm này anh Th đang đi chấp hành án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Năm 2021, chấp hành án tù xong, anh Th có ý đón vợ con về nhưng chị A không về nên vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó đến nay và chị A cũng không cho anh gặp con. Anh Th xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nếu chị A cương quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn nhưng với điều kiện anh được quyền nuôi con.

Về con: Anh Th và chị Hà có một con chung là cháu Lê Tường Y, sinh ngày 12/4/2019. Anh Th đề nghị được nuôi con và không yêu cầu chị A cấp dưỡng. Anh Th đang làm tại công ty giầy da Hồng Mỹ 2 thuộc khu công nghiệp Hoàng Long, mức lương bình quân hàng tháng là 6.000.000 đồng, ngoài ra còn làm cộng tác viên tại công ty vệ sỹ Lam Sơn với mức lương mỗi tháng từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng

Về tài sản và công nợ: Anh Th không yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản xác minh ngày 03/7/2022 với Ủy ban nhân dân xã Qu: Anh Lê Như Th kết hôn với chị Hoàng Thị A, được Ủy ban nhân dân xã Qu cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới xong, anh chị sống tại địa phương. Anh Th và chị A có 01 con chung là cháu Lê Tường Y, sinh ngày 12/4/2019. Khi anh Th đi chấp hành án năm 2019 thì chị A cũng đưa con về bên ngoại ở cho đến nay. Nay anh Th, chị A ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày nhận xét về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, xác minh về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân xảy ra tranh chấp giữa anh Lê Như Th và chị Hoàng Thị A, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị A và anh Lê Như Th tự nguyện kết hôn, được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Tình cảm của anh chị thực sự không còn, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị A, xử cho chị A được ly hôn anh Lê Như Th. Về con: Đề nghị công nhận chị Hoàng Thị A và anh Lê Như Th có 01 con chung là cháu Lê Tường Y, sinh ngày 12/4/2019. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A, giao cháu Tường Y cho chị A trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng: chị A không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết. Về tài sản và công nợ: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị Hoàng Thị A chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn chị Hoàng Thị A không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Hoàng Thị A khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Lê Như Th và đề nghị giải quyết về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, là quan hệ "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", bị đơn có nơi cư trú tại huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên nên Tòa án đã thu thập tài liệu chứng cứ bằng biện pháp xác minh về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp giữa anh Lê Như Th và chị Hoàng Thị A theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Như Th và chị Hoàng Thị A tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Qu, huyện H, Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/01/2018 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Hoàng Thị A và anh Lê Như Th sống hòa thuận với nhau

cho đến năm 2019, do anh Th đi chấp hành án, chị A đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Chị A thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không muốn kéo dài cuộc sống vợ chồng. Anh Th cũng thừa nhận không còn tình cảm nhưng chỉ đồng ý ly hôn khi được trực tiếp nuôi con. Như vậy, anh chị thực sự không còn tình cảm với nhau, tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị A là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[3] Về con: chị Hoàng Thị A và anh Lê Như Th có một con chung là cháu Lê Tường Y, sinh ngày 12/4/2019, đang sống cùng chị Hà. Anh Th và chị A đều có nguyện vọng xin được nuôi cháu Tường Y. Nhận thấy từ khi anh chị sống ly thân cháu Tường Y sống cùng mẹ, mặt khác cháu đang còn nhỏ và là con gái, cần sự chăm sóc của mẹ nên giao cháu Lê Tường Y cho chị A trực tiếp nuôi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hoàng Thị A không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là chị Hoàng Thị A phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; 56; 58; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị A được ly hôn với anh Lê Như Th.

Về con: Công nhận anh Lê Như Th và chị Hoàng Thị A có 01 con chung là cháu Lê Tường Y, sinh ngày 12/4/2019. Giao cháu Lê Tường Y cho chị Hoàng Thị A trực tiếp nuôi. Anh Lê Như Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Nếu anh Th lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Th.

Về án phí: Buộc chị Hoàng Thị A chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo biên lai thu số AA/2021/0010873 ngày 10/5/2022 (Chị Hà đã thi hành xong).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị A và anh Lê Như Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND huyện H;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *UBND xã Qu;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Tú